

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-PT

Ngày 23-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Ông Nguyễn Văn Cảnh

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Võ Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Nội thất B (gọi tắt SOLID). Địa chỉ trụ sở chính: Số 79 đường Đ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Mai Thanh T – Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Chị Trần Thị Thúy M, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 170 (lầu 1) đường B, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 33 đường P, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền số 01/UQ-SOLID-2022 ngày 02/8/2022).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần D (gọi tắt DEL). Địa chỉ trụ sở chính: Lô E1, Đường số 1, Khu công nghiệp P, Số 400 Quốc lộ 1A, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bị đơn: Ông Trần Hoài N – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn:

1. Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1987. (Có mặt).
2. Chị Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh năm 1996. (Có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: 1/148 đường N, phường Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 05/01/2023).

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH Nội thất B (gọi tắt SOLID) là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 19/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên trình bày:

Ngày 10/04/2020, giữa Công ty TNHH Nội thất B (SOLID) và Công ty Cổ phần D (DEL) có ký Hợp đồng thi công lắp đặt số: 05/DT-SL/2020 và các phụ lục Hợp đồng kèm theo. Công ty SOLID đã thi công hoàn tất 100% công việc trang trí nội thất theo đúng như thỏa thuận Hợp đồng đã ký giữa hai bên và đã gửi các hồ sơ thanh toán hợp lệ cho bên DEL theo Biên bản xác nhận khối lượng vật tư thi công lắp đặt hoàn thành tại công trình ngày 07/7/2020; Biên bản bàn giao mặt bằng hoàn thiện thi công nội thất văn phòng ngày 10/7/2020. DEL có yêu cầu SOLID chỉnh sửa một số lỗi (đã chỉnh sửa 03 lần) và SOLID đã thực hiện xong việc chỉnh sửa lỗi theo báo cáo hoàn tất công tác chỉnh sửa lỗi ngày 13/8/2020. Tuy nhiên, DEL vẫn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đối với SOLID, cụ thể như sau:

1. Giá trị Hợp đồng (bao gồm VAT): 4.995.860.280 đồng.
2. Giá trị SOLID đã thực hiện (bao gồm VAT): 4.437.981.363 đồng, cụ thể:
 - Hợp đồng chính: 4.416.522.092 đồng.
 - Phụ lục 11: 21.459.272 đồng.

3. Nghĩa vụ thanh toán của DEL: Do DEL trốn tránh việc ký xác nhận Biên bản bàn giao công trình và Hồ sơ quyết toán công trình nên Ngân hàng chưa thể phát hành Bảo lãnh bảo hành để SOLID có được quyền đòi nợ đến 100% giá trị SOLID đã thực hiện và thanh toán như sau:

- 3.1. Thanh toán ngay đến 95% giá trị thực hiện là: 4.216.082.295 đồng (bao

gồm VAT).

- Trừ số tiền DEL đã tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng: 1.362.507.349 đồng.
- Số tiền còn phải thanh toán ngay cho đủ 95%: 2.853.574.946 đồng.
- Lãi chậm trả, tạm tính từ ngày 21/09/2020 đến ngày 15/11/2020 theo lãi suất cho vay ngắn hạn do Ngân hàng VCB đang áp dụng tại SOLID là 7.6%/năm.

3.2. Thanh toán 5% giá trị thực hiện khi nhận được Thư bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng: 221.899.068 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và hiện tại, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn trước số tiền là 1.142.620.000 đồng, 542.220.300 đồng, tổng cộng là 1.684.840.300 đồng, số tiền còn lại là 1.168.734.646 đồng cho đến nay bị đơn không có bất kỳ phản hồi nào thỏa đáng và chưa thanh toán hoàn tất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản như sau:

Số tiền thi công còn nợ là 1.168.734.646 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 21/9/2020 đến ngày 19/7/2022, với mức lãi suất là 7.6%/năm, thành tiền là 162.316.429 đồng.

Tiền lãi của số tiền đã thanh toán trước là 1.142.620.000 đồng được tính từ ngày 21/9/2020 đến ngày 20/4/2022 là 137.277.184 đồng.

Tiền lãi của số tiền đã thanh toán trước là 542.220.300 đồng được tính từ ngày 21/9/2020 đến ngày 30/6/2022 là 73.159.631 đồng và 5% giá trị thực hiện Hợp đồng khi nhận được Thư bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng tương đương 221.899.068 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Theo Bản tự khai các ngày 19/01/2021, 29/3/2021 và ngày 07/01/2022, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 23/12/2021, bị đơn nhận được Công văn số 221223/CV của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán 100% giá trị quyết toán của Hợp đồng sau khi giảm trừ 2%, bị đơn có ý kiến như sau:

Ngày 10/4/2020, Công ty Cổ phần D và Công ty TNHH Nội thất B đã ký Hợp đồng thi công lắp đặt số: 05/DT-SL/2020 về việc thi công hạng mục: Trang trí nội thất tại công trình Nhà máy giặt ủi DEL tại Lô E1, Đường số 01, KCN Phúc Long, số 400 Quốc lộ 1A, xã Long Hiệp, huyện B, tỉnh Long An. Sau đó, hai bên có ký tiếp các phụ lục hợp đồng liên quan. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm thanh toán, cụ thể như sau:

Ngày 20/04/2020, sau khi nhận được đầy đủ Hồ sơ thanh toán hợp lệ, bị đơn đã thanh toán 30% giá trị Hợp đồng trước thuế tương ứng với số tiền 1.362.507.349 đồng bằng Ủy nhiệm chi từ Ngân hàng MB theo đúng quy định

tại khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng.

Ngày 24/7/2020, bị đơn có nhận được Hồ sơ đề nghị thanh toán của nguyên đơn. Tuy nhiên, qua thực tế kiểm tra, bị đơn nhận thấy Hồ sơ thanh toán của nguyên đơn chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng 05/DT-SL/2020. Căn cứ vào nguyên tắc thanh toán được quy định tại khoản 3.6 Điều 3 của Hợp đồng: *“Trong bất kỳ trường hợp nào, Bên A sẽ không thực hiện thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Bên B nếu các tài liệu của hồ sơ thanh toán không đầy đủ, không thống nhất, không hợp lệ”*.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải do Tòa án nhân dân huyện B lập ngày 17/05/2021 và tinh thần thiện chí hợp tác, hai bên đã tổ chức các cuộc họp trực tuyến vào ngày 24/05/2021 và ngày 07/12/2021 để cùng giải quyết vấn đề nêu trên. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của hai bên đã thống nhất rằng bị đơn sẽ tổng rà soát lại toàn bộ Hồ sơ thanh toán đợt 2 và đợt 3 mà nguyên đơn đã trình cho bị đơn trong khoảng thời gian từ ngày 24/05/2020 đến thời điểm hiện tại và phản hồi cho nguyên đơn giá trị thanh toán hợp lệ. Theo đó, bị đơn đã chấp nhận thanh toán cho những hạng mục đủ điều kiện, giá trị cụ thể là 1.142.620.000 đồng. Đối với những hạng mục chưa đủ điều kiện thanh toán, bị đơn cũng đã liệt kê cụ thể hồ sơ giấy tờ cần bổ sung, sau khi nguyên đơn cung cấp đầy đủ thì bị đơn sẽ tiếp tục thanh toán giá trị còn lại. Tuy nhiên, nguyên đơn lại không thiện chí hợp tác bằng việc phản hồi Công văn số 221223/CV ngày 23/12/2021 yêu cầu bị đơn thanh toán 100% giá trị quyết toán của Hợp đồng. Bị đơn nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở. Theo khoản 3.4 Điều 3 của Hợp đồng 05/DT-SL/2020, sau khi công trình nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, bị đơn sẽ thanh quyết toán Hợp đồng sau khi nhận được đầy đủ Hồ sơ thanh quyết toán hợp lệ, cụ thể là: Giấy đề nghị thanh toán; Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng; Phụ lục hợp đồng phân khối lượng và giá trị phát sinh (nếu có); Biên bản quyết toán Hợp đồng; Bản vẽ hoàn công và hồ sơ hoàn công theo đúng quy định; Hóa đơn VAT hợp lệ theo quy định của Bộ Tài Chính; Chứng thư bảo lãnh bảo hành có giá trị 5% giá trị quyết toán Hợp đồng, hiệu lực kể từ ngày phát hành đến hết 12 tháng tính từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

Đến thời điểm hiện tại, bị đơn chưa nhận được Hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng, công trình cũng chưa được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 6.2 và khoản 6.3 Điều 6 của Hợp đồng 05/DT-SL/2020, bị đơn có quyền từ chối nghiệm thu nếu nguyên đơn không hoàn thành hồ sơ nghiệm thu. Hơn nữa, rất nhiều hạng mục mà nguyên đơn thi công xong, bị đơn vẫn chưa sử dụng do chưa có Biên bản nghiệm thu và Hồ sơ quyết toán hợp lệ. Do đó, giá trị quyết toán 4.995.860.280 đồng mà phía nguyên đơn đưa ra hoàn toàn không có cơ sở. Bị đơn không có nghĩa vụ phải thực hiện thanh toán số tiền này theo yêu cầu của nguyên đơn tại Công văn số 221223/CV ngày 23/12/2021.

Ngoài ra, việc đề nghị cung cấp các hồ sơ như Phiếu thử nghiệm/Biên bản thử nghiệm, Giấy bảo hành của hãng sản xuất mà bị đơn yêu cầu là nội dung đã

được đại diện hai bên thống nhất trong cuộc họp trực tuyến ngày 24/5/2021 và ngày 07/12/2021, cũng là theo đúng quy định về Hồ sơ thanh toán tại khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng 05/DT-SL/2020.

Trên tinh thần hợp tác, bị đơn đã đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 1.142.620.000 đồng vào ngày 20/4/2022, và số tiền 542.220.300 đồng vào ngày 30/6/2022 (khi nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ những chứng từ hợp lệ). Đồng thời, bị đơn cũng đề nghị nguyên đơn cung cấp đầy đủ những hồ sơ giấy tờ cần bổ sung để bị đơn có căn cứ tiếp tục thực hiện thanh toán số tiền còn lại là 1.168.734.646 đồng mà hai bên đã thỏa thuận tại Biên bản hòa giải do Tòa án lập ngày 30/5/2022 là chậm nhất là ngày 30/6/2022. Tuy nhiên, đến nay nguyên đơn cũng chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ của số tiền này nên bị đơn chưa có căn cứ để thanh toán là lỗi của nguyên đơn, bị đơn không có hành vi nào cố tình không thanh toán. Do đó, bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền thi công còn nợ, tiền lãi của số tiền này và tiền lãi đã thanh toán 02 đợt. Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến hay yêu cầu phản tố gì trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Nội thất B về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần D có nghĩa vụ thanh toán số tiền thi công còn nợ tổng cộng là 1.168.734.646 đồng và tiền lãi là 594.652.312 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 02/8/2022, Tòa án nhân dân huyện B nhận được đơn kháng cáo của Công ty TNHH Nội thất B đề ngày 29/7/2022 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo; nguyên đơn là Công ty TNHH Nội thất B (gọi tắt SOLID) và bị đơn là Công ty Cổ phần D (gọi tắt DEL) thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- Nguyên đơn đồng ý nhận lại hạng mục Bàn họp lớn (*Meeting table*) tại mục 7 phần IV Directing Room của Bảng báo giá, trị giá 143.640.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*); Bàn giám đốc (*Director Desk*) tại mục 1 phần III Chairman room của Bảng báo giá, trị giá 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*); Số tiền quyết toán còn lại của Hợp đồng số 05/DT-SL/2020 mà DEL còn phải thanh toán cho SOLID là 724.782.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

- Thời hạn thanh toán nêu trên là 45 ngày kể từ ngày DEL nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ từ SOLID gồm: Giấy đề nghị thanh toán; Biên bản nghiệm thu

công trình đưa vào sử dụng; Phụ lục Hợp đồng phân khối lượng phát sinh (nếu có); Hồ sơ quyết toán hợp đồng; Hồ sơ hoàn công (là bản vẽ hoàn công có xác nhận của DEL); Hóa đơn VAT hợp lệ theo quy định của Bộ tài chính (địa chỉ email nhận hóa đơn là: Del@meinvoice.vn).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như trên, thỏa thuận này là tự nguyện, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là Công ty TNHH Nội thất B (gọi tắt SOLID) và bị đơn là Công ty Cổ phần D (gọi tắt DEL) thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

[4] Nguyên đơn đồng ý nhận lại hạng mục Bàn họp lớn (*Meeting table*) tại mục 7 phần IV Directing Room của Bảng báo giá, trị giá 143.640.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*); Bàn giám đốc (*Director Desk*) tại mục 1 phần III Chairman room của Bảng báo giá, trị giá 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*); Số tiền quyết toán còn lại của Hợp đồng số 05/DT-SL/2020 mà DEL còn phải thanh toán cho SOLID là 724.782.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

[5] Thời hạn thanh toán nêu trên là 45 ngày kể từ ngày DEL nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ từ SOLID gồm: Giấy đề nghị thanh toán; Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng; Phụ lục Hợp đồng phân khối lượng phát sinh

(nếu có); Hồ sơ quyết toán hợp đồng; Hồ sơ hoàn công (là bản vẽ hoàn công có xác nhận của DEL); Hóa đơn VAT hợp lệ theo quy định của Bộ tài chính (địa chỉ email nhận hóa đơn là: Del@meinvoice.vn).

[6] Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[7] Về án phí: DEL phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải hoàn trả cho SOLID (724.782.000 đồng) là 32.991.280 đồng; SOLID phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.00 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 148, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 50 Luật Thương mại; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Công ty TNHH Nội thất B và Công ty Cổ phần D thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Nội thất B đồng ý nhận lại hạng mục Bàn họp lớn (*Meeting table*) tại mục 7 phần IV Directing Room của Bảng báo giá, trị giá 143.640.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*); Bàn giám đốc (*Director Desk*) tại mục 1 phần III Chairman room của Bảng báo giá, trị giá 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*); Số tiền quyết toán còn lại của Hợp đồng số 05/DT-SL/2020 mà Công ty Cổ phần D còn phải thanh toán cho Công ty TNHH Nội thất B là 724.782.000 đồng (*Bảy trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

- Thời hạn thanh toán nêu trên là 45 ngày kể từ ngày Công ty Cổ phần D nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Công ty TNHH Nội thất B gồm: Giấy đề nghị thanh toán; Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng; Phụ lục Hợp đồng phân khối lượng phát sinh (nếu có); Hồ sơ quyết toán hợp đồng; Hồ sơ hoàn công (là bản vẽ hoàn công có xác nhận của Công ty Cổ phần D); Hóa đơn VAT hợp lệ theo quy định của Bộ tài chính (địa chỉ email nhận hóa đơn là: Del@meinvoice.vn).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại:

- Công ty Cổ phần D phải chịu 32.991.280 đồng án phí sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH Nội thất B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 53.082.000đ (năm mươi ba triệu không trăm tám mươi hai ngàn đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02687, số 02688 và số 02686 cùng ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Long An.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại: Công ty TNHH Nội thất B phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0012001 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; Công ty TNHH Nội thất B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc